



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
BAN PHÁP CHẾ & QUAN HỆ CỔ ĐÔNG











Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN TIN PHÁP CHẾ

THÁNG 11 NĂM 2018



Biên soạn : Lê Thị Yên
Kiểm duyệt : Nguyễn Ngọc Hà
Võ Thị Tú Oanh
Email : lethiyen@pvpower.vn
Điện thoại : 024 2221 0288 (máy lẻ: 6626)

Mục lục	Trang
I. Quy định mới	3
 Quy định mới ban hành trong tháng 11 năm 2018	
II. Điểm tin văn bản pháp luật	4
 Nghị định 160/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;  Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;  Thông tư 45/2018/TT-BCT quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra Hợp đồng mua bán điện;  Thông tư 46/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện.  Quyết định 4229/QĐ-BCT đính chính Thông tư 28/2018/TT-BCT ngày 27/9/2018 quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh;  Nghị định 149/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ Luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;  Nghị định 153/2018/NĐ-CP quy định chính sách điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021 có thời gian đóng BHXH từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng;  Thông tư 105/2018/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.	
III. Án lệ số 21/2018/AL về lỗi và thiệt hại trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê tài sản.	9
IV. Công văn hướng dẫn nghiệp vụ	12
 Công văn số 4657/TCT-DNL năm 2018 về hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi loại hình doanh	
V. Danh mục văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	13

QUY ĐỊNH MỚI

1. An toàn môi trường		2. Doanh nghiệp
Nghị định 160/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.		Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
3. Thương mại		4. Lao động – Tiền lương
<ul style="list-style-type: none">- Thông tư 45/2018/TT-BCT quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra Hợp đồng mua bán điện;- Thông tư 46/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện;- Quyết định 4229/QĐ-BCT đính chính Thông tư 28/2018/TT-BCT ngày 27/9/2018 quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.		<ul style="list-style-type: none">- Nghị định 149/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ Luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;- Nghị định 153/2018/NĐ-CP quy định chính sách điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021 có thời gian đóng BHXH từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng.
5. Thuế, phí, lệ phí		
Thông tư 105/2018/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.		

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Nghị định quy định chi tiết Luật phòng chống thiên tai

Ngày 29/11/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định 160/2018/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai, bao gồm: Trách nhiệm truyền tin, tần suất, thời lượng phát tin, mạng lưới, thiết bị thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai; phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó thiên tai; huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ; hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam; cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của cơ quan chỉ đạo, chỉ huy về phòng, chống thiên tai và cơ chế phối hợp giữa Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

Theo đó, rủi ro thiên tai được phân thành 05 cấp tăng dần về mức độ rủi ro, bao gồm: Cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4 và cấp độ 5 (tình trạng khẩn cấp về thiên tai). Tùy theo cấp độ rủi ro trên để phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai. Đơn cử như:

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Trách nhiệm thuộc UBND cấp xã. Trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trên địa bàn từ 2 xã trở lên hoặc chủ tịch UBND cấp xã yêu cầu trợ giúp thì Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực;

- Rủi ro cấp độ 2: Chủ tịch UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2 tại địa phương...

Ngoài ra, Nghị định 160/2018/NĐ-CP cũng quy định tùy theo điều kiện cụ thể, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để triển khai các nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

Xem chi tiết các nội dung của Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 tại đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-160-2018-ND-CP-huong-dan-Luat-phong-chong-thien-tai-401252.aspx>

Hiệu lực thi hành: 01/01/2019 và thay thế Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.

Nghị định quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Ngày 04/12/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 163/2018/NĐ-CP quy định việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp theo hình thức riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. Nghị định này không điều chỉnh việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Theo đó, có 4 nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn trái phiếu doanh nghiệp. Cụ thể:

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, để tăng quy mô vốn hoạt động hoặc để cơ cấu lại các khoản nợ của chính doanh nghiệp. Mục đích phát hành phải được doanh nghiệp nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Nghị định này.

- Việc sử dụng vốn huy động được từ phát hành trái phiếu phải đảm bảo đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.



- Đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài việc tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được hạch toán,

quản lý theo dõi riêng và giải ngân cho các dự án bảo vệ môi trường theo phương án phát hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều kiện phát hành trái phiếu trong nước như sau:

1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền:

- Là Công ty cổ phần hoặc Công ty TNHH;
- Có thời gian hoạt động tối thiểu 01 năm;
- Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán;
- Đảm bảo tuân thủ giới hạn về số lượng nhà đầu tư khi phát hành, giao dịch trái phiếu;
- Có phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận;
- Thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có);
- Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền:

- Là Công ty cổ phần;
- Các đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi phải cách nhau ít nhất sáu tháng;
- Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật trong trường hợp thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua của chứng quyền.....

Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng ngoài việc đáp ứng điều kiện phát hành theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn phải đáp ứng điều kiện chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng theo quy định tại Điều 10a của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

Xem chi tiết các nội dung về phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Nghị định 163/2018/NĐ-CP theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-163-2018-ND-CP-quy-dinh-ve-phat-hanh-trai-phieu-doanh-nghiep-365270.aspx>

Hiệu lực thi hành: 01/02/2019 và thay thế Nghị

định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Quyết định về đính chính Thông tư 28/2018/TT-BCT

Ngày 08/11/2018, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 4229/QĐ-BCT về việc đính chính Thông tư số 28/2018/TT-BCT ngày 27/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.

Theo đó, đính chính lỗi kỹ thuật trình bày tại Thông tư 28/2018/TT-BCT như sau:

Tại Điểm a Khoản 2 Điều 22, sửa đổi cụm từ “KDC: Hệ số điều chỉnh giá trần theo kết quả phân loại tổ máy nhiệt điện. Đối với tổ máy nhiệt điện chạy nền KDC = 2%; tổ máy nhiệt điện chạy lưng KDC = 5%; tổ máy nhiệt điện chạy đỉnh KDC = 20%” thành cụm từ “KDC: Hệ số điều chỉnh giá trần theo kết quả phân loại tổ máy nhiệt điện. Đối với tổ máy nhiệt điện chạy nền KDC = 0%; tổ máy nhiệt điện chạy lưng KDC = 5%; tổ máy nhiệt điện chạy đỉnh KDC = 20%”.

Hiệu lực thi hành: 15/11/2018

Thông tư quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh

Ngày 15/11/2018, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 45/2018/TT-BCT quy định về Vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh (sau đây viết tắt là thị trường điện) và trách nhiệm của các đơn vị tham gia thị trường điện và Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện.

Theo đó, quy định về trách nhiệm tham gia thị trường điện của đơn vị phát điện như sau:

- Nhà máy điện có giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện, có công suất đặt lớn hơn 30 MW đấu nối vào hệ thống điện quốc gia có trách nhiệm hoàn thành thủ tục đăng ký và trực tiếp tham gia thị trường điện.

- Nhà máy điện có công suất đặt đến 30MW

đầu nối lưới điện cấp điện áp từ 110kV trở lên và nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo không phải thủy điện có công suất đặt lớn hơn 30 MW được quyền lựa chọn tham gia thị trường điện.

Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện tham gia thị trường điện có trách nhiệm đầu tư, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị để đầu nối vào hệ thống thông tin thị trường điện (bao gồm: Hệ thống chào giá, hệ thống quản lý lệnh điều độ, hệ thống hỗ trợ thanh toán thị trường điện, hệ thống mạng kết nối thông tin nội bộ thị trường điện), hệ thống SCADA/EMS, hệ thống đo đếm điện năng và chữ ký số đáp ứng yêu cầu vận hành của thị trường điện và các hệ thống khác theo quy định.



Thông tư 45/2018/TT-BCT quy định về thời điểm tham gia thị trường điện như sau:

- Đối với đơn vị phát điện tham gia thị trường phát điện cạnh tranh tham gia thị trường bán buôn điện thì điểm: Tiếp tục tham gia thị trường bán buôn điện từ ngày thị trường bán buôn điện cạnh tranh chính thức vận hành;

- Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện có trách nhiệm tham gia thị trường điện từ:

+ Ngày đầu tiên của tháng M nếu ngày vận hành thương mại của nhà máy điện được công nhận trước ngày 20 tháng M-1;

+ Ngày đầu tiên của tháng M+1 nếu ngày vận hành thương mại của nhà máy điện được công nhận từ ngày 20 đến ngày cuối cùng của tháng M-1.

Giá thị trường áp dụng cho đơn vị phát điện như sau:

- Giá điện năng thị trường:

+ Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tính toán sau thời điểm vận hành căn cứ trên phương pháp lập lịch không ràng buộc;

+ Không vượt quá giá trần thị trường điện.

- Giá công suất thị trường:

+ Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tính toán trong quá trình lập kế hoạch vận hành năm tới và không thay đổi trong năm áp dụng;

+ Tính toán trên nguyên tắc đảm bảo cho Nhà máy điện mới tốt nhất thu hồi đủ chi phí biến đổi và chi phí cố định.

- Giá thị trường điện toàn phần áp dụng cho đơn vị phát điện được tính bằng tổng của 02 thành phần sau:

+ Giá điện năng thị trường áp dụng cho đơn vị phát điện;

+ Giá công suất thị trường áp dụng cho đơn vị phát điện.

Xem chi tiết các nội dung về vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh tại Thông tư số 45/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-45-2018-TT-BCT-quy-dinh-van-hanh-thi-truong-ban-buon-dien-can-h-tranh-332143.aspx>

Hiệu lực: 01/01/2019 và bãi bỏ các văn bản sau:

- Thông tư số 27/2009/TT-BCT ngày 25/9/2009 quy định đo đếm điện năng trong thị trường phát điện cạnh tranh.

- Thông tư số 18/2012/TT-BCT ngày 29/6/2012 quy định giám sát thị trường phát điện cạnh tranh.

- Thông tư 28/2018/TT-BCT ngày 27/9/2018 quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.

Sửa đổi quy định về phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện

Ngày 15/11/2018, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 46/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện.

Theo đó sửa đổi, bổ sung một số khái niệm như sau:

1. Khái niệm về dịch vụ phụ trợ: Dịch vụ phụ trợ là

các dịch vụ:

- Dịch vụ phụ trợ khởi động nhanh;
- Dịch vụ phụ trợ vận hành phải phát để đảm bảo an ninh hệ thống điện;

+ Dịch vụ phụ trợ vận hành phải phát thường xuyên của nhà máy điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện;

+ Dịch vụ phụ trợ vận hành phải phát của nhà máy điện tua bin khí theo lệnh của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện (viết tắt là dịch vụ phụ trợ vận hành phải phát của nhà máy điện tua bin khí) khi nhà máy vận hành chu trình đơn hoặc thiếu nhiên liệu chính phải sử dụng một phần hoặc toàn bộ nhiên liệu phụ.

- Dịch vụ phụ trợ dự phòng quay;
- Dịch vụ phụ trợ điều tần;
- Dịch vụ phụ trợ điều chỉnh điện áp;
- Dịch vụ phụ trợ khởi động đen.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ là đơn vị phát điện sở hữu một hoặc nhiều nhà máy điện được huy động cung cấp dịch vụ phụ trợ theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện.”

Xem chi tiết các nội dung tại Thông tư số 46/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Thong-tu-46-2018-TT-BCT-phuong-phap-xac-dinh-gia-dich-vu-phu-tro-he-thong-dien-400188.aspx>

Hiệu lực thi hành: 01/01/2019

Quy định mới về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc

Ngày 07/11/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 49/2018/NĐ-CP quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

Theo đó, Chính phủ yêu cầu Người SDLĐ phải công khai 7 nội dung sau:

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ, sản xuất, kinh doanh.

- Nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể ngành, thỏa ước lao động tập thể khác mà doanh nghiệp tham gia.

- Nghị quyết Hội nghị người lao động.

- Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có).

- Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tình hình thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.



Nghị định 149/2018/NĐ-CP cũng quy định những nội dung NLĐ được tham gia ý kiến gồm:

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động; đề xuất nội dung thương lượng tập thể.

- Đề xuất, thực hiện giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.

- Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

Xem chi tiết các nội dung về thực hiện quy chế

dân chủ tại nơi làm việc tại Nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-149-2018-ND-CP-huong-dan-khoan-3-Dieu-63-Bo-luat-lao-dong-376624.aspx>

Hiệu lực thi hành: 01/01/2019 và Thay thế Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ luật lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Chính sách lương hưu đối với lao động nữ hưởng lương hưu giai đoạn 2018-2021

Ngày 07/11/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 153/2018/NĐ-CP quy định chính sách điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng, bị tác động bất lợi hơn so với lao động nam do thay đổi cách tính lương hưu theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 so với Luật bảo hiểm xã hội năm 2006.

Theo đó, mức điều chỉnh sẽ được tính bằng mức lương hưu theo quy định của Luật BHXH năm 2014 tại thời điểm bắt đầu hưởng lương hưu x tỷ lệ điều chỉnh tương ứng với thời gian đã đóng BHXH và thời điểm hưởng lương hưu. Cụ thể:

- Nếu nghỉ hưu năm 2018, tỷ lệ điều chỉnh cao nhất là 12,31%; mức thấp nhất là 1,08%, tùy thuộc vào thời gian đã đóng BHXH.

- Nếu nghỉ hưu vào năm 2019, tỷ lệ điều chỉnh cao nhất là 9,23%; thấp nhất là 0,81%, tùy thuộc vào thời gian đã đóng BHXH.

- Nếu nghỉ năm 2020, tỷ lệ điều chỉnh cao nhất là 6,15%; thấp nhất là 0,64%, tùy thuộc vào thời gian đã đóng BHXH.

- Nếu nghỉ năm 2021, tỷ lệ điều chỉnh cao nhất là 3,08%; thấp nhất là 0,27%, tùy thuộc vào thời gian đã đóng BHXH.

Chi tiết tỷ lệ điều chỉnh được quy định trong bảng sau:

Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	Tỷ lệ điều chỉnh tương ứng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội và thời điểm bắt đầu hưởng lương hưu:			
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
20 năm	7,27%	5,45%	3,64%	1,82%
20 năm 01 tháng - 20 năm 06 tháng	7,86%	5,89%	3,93%	1,96%
20 năm 07 tháng - 21 năm	8,42%	6,32%	4,21%	2,11%
21 năm 01 tháng - 21 năm 06 tháng	8,97%	6,72%	4,48%	2,24%
21 năm 07 tháng - 22 năm	9,49%	7,12%	4,75%	2,37%
22 năm 01 tháng - 22 năm 06 tháng	10,00%	7,50%	5,00%	2,50%
22 năm 7 tháng - 23 năm	10,49%	7,87%	5,25%	2,62%
23 năm 01 tháng - 23 năm 06 tháng	10,97%	8,23%	5,48%	2,74%
23 năm 07 tháng - 24 năm	11,43%	8,57%	5,71%	2,86%
24 năm 01 tháng - 24 năm 06 tháng	11,88%	8,91%	5,94%	2,97%
24 năm 07 tháng - 25 năm	12,31%	9,23%	6,15%	3,08%
25 năm 01 tháng - 25 năm 06 tháng	10,91%	8,18%	5,45%	2,73%
25 năm 07 tháng - 26 năm	9,55%	7,16%	4,78%	2,39%

26 năm 01 tháng - 26 năm 06 tháng	8,24%	6,18%	4,12%	2,06%
26 năm 07 tháng - 27 năm	6,96%	5,22%	3,48%	1,74%
27 năm 01 tháng - 27 năm 06 tháng	5,71%	4,29%	2,86%	1,43%
27 năm 07 tháng - 28 năm	4,51%	3,38%	2,25%	1,13%
28 năm 01 tháng - 28 năm 06 tháng	3,33%	2,50%	1,67%	0,83%
28 năm 07 tháng - 29 năm	2,19%	1,64%	1,10%	0,55%
29 năm 01 tháng - 29 năm 06 tháng	1,08%	0,81%	0,54%	0,27%

Xem chi tiết Nghị định 153/2018/NĐ-CP theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-153-2018-ND-CP-dieu-chinh-luong-huu-doi-voi-lao-dong-nu-tu-2018-den-2021-389795.aspx>

Hiệu lực thi hành: 24/12/2018

Thông tư quy định về mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm

Ngày 15/11/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 105/2018/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

Theo đó, tổ chức, cá nhân khi yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển phải nộp lệ phí với mức sau:

- Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển là 22.500 (nghìn đồng/giấy phép);
- Lệ phí cấp lại giấy phép nhận chìm ở biển là 7.000 (nghìn đồng/giấy phép);
- Lệ phí gia hạn giấy phép nhận chìm ở biển là 17.500 (nghìn đồng/giấy phép);

- Lệ phí sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển là 12.500 (nghìn đồng/giấy phép);

Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí nộp trực tiếp cho tổ chức thu lệ phí hoặc nộp vào tài khoản của tổ chức thu lệ phí mở tại Kho bạc Nhà nước.- Hồ sơ tự kiểm tra: Phiếu tự kiểm tra; kết luận tự kiểm tra; văn bản thành lập đoàn tự kiểm tra và các tài liệu, hồ sơ phát sinh.

Xem chi tiết các nội dung tại Thông tư 105/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 theo đường link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-105-2018-TT-BTC-muc-thu-che-do-thu-nop-le-phi-cap-giay-phep-nhan-chim-o-bien-400860.aspx>

Hiệu lực thi hành: 01/01/2019

CHUYÊN MỤC



Án lệ số 21/2018/AL về lỗi và thiệt hại trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê tài sản.

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông quangày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 08/2016/KDTM-GĐT ngày 20-5-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản” tại tỉnh Quảng Ninh giữa nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn D với bị đơn là Công ty cổ phần C.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 1 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung án lệ:**- Tình huống án lệ:**

Hợp đồng cho thuê tài sản có thời hạn, không có thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng. Bên thuê chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nhưng không được bên cho thuê đồng ý.

Thời gian từ khi bên thuê có văn bản thông báo đến khi chấm dứt hợp đồng quá ngắn dẫn đến bên cho thuê không thể có hợp đồng khác thay thế ngay trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Bên cho thuê yêu cầu bên thuê phải thanh toán tiền thuê tài sản trong thời gian còn lại của hợp đồng.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, phải xác định bên thuê có lỗi và phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gây ra cho bên cho thuê. Thiệt hại thực tế cần xem xét là khoản tiền cho thuê phương tiện trong thời gian còn lại của hợp đồng.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

Điều 426 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng với Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015);

Các điều 269, 302, 303 Luật Thương mại năm 2005;

Từ khóa của án lệ:

“Hợp đồng cho thuê tài sản”; “Điều kiện chấm dứt hợp đồng”; “Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn”; “Bồi thường thiệt hại”; “Thiệt hại thực tế”; “Lỗi”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-3-2007 và các lời khai tiếp theo, đại diện Công ty TNHH D trình bày:

Ngày 10-4-2006, Công ty TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty D) đã ký Hợp đồng kinh tế số 1141/HĐ-CNQN (về việc thuê đầu máy lai, đất) với Công ty cổ phần C. Theo hợp đồng, Công ty D cho Công ty cổ phần C thuê 02 đầu máy vỏ thép loại kéo + đẩy công suất 135 CV biển kiểm soát số NB2010 và NB2172; đồng thời, nhận ba nơ lai đất, đẩy kéo tàu của Công ty cổ phần C ra vào cảng lấy hàng tại cảng 10-10 và cảng Khe Dây Quảng Ninh; đơn giá thuê (bao gồm cả thuế VAT) là 50.000.000 đồng/tháng cho một đầu máy; chi phí toàn bộ nhiên liệu cho đầu máy do Công ty cổ phần C trả cho Công ty D theo định mức là 17 lít dầu Diesel/01 giờ nổ máy/01 máy công suất 135 CV + 0,23 lít dầu nhờn bôi trơn/01 giờ/01 máy công suất, (giá

nhiên liệu sẽ được hai bên tính tại thời điểm thanh toán và các khoản phát sinh hai đầu bến, nếu có). Công ty D có trách nhiệm bố trí nhân lực, chức danh trên phương tiện gồm 01 thuyền trưởng, 01 máy trưởng, 01 thủy thủ; phải chi trả toàn bộ tiền lương cho công nhân trên phương tiện.... Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31-12-2006.

Ngày 17-8-2006, Công ty cổ phần C có Công văn số 2349 INDEVCO đề nghị Công ty D chấm dứt và thanh lý Hợp đồng số 1141/HĐ-CNQN ngày 10-4-2006 trước thời hạn từ ngày 20-8-2006.

Ngày 18-8-2006, Công ty D có Công văn số 59.CVCty trả lời Công văn số 2349 INDEVCO của Công ty cổ phần C với nội dung: đề nghị Công ty cổ phần C thanh toán dứt điểm số tiền thuê 02 đầu máy trong quý II năm 2006 (có Biên bản đối chiếu thanh quyết toán ngày 13-7-2006) và trong trường hợp Công ty cổ phần C không còn nhu cầu thuê 02 đầu máy kể từ ngày 20-8-2006 nữa thì đề nghị thanh quyết toán tiền thuê 02 đầu máy cho thời gian còn lại của hợp đồng từ ngày 01-8-2006 đến 31-12-2006.

Ngày 04-9-2006, Công ty cổ phần C và Công ty D tiến hành lập Biên bản quyết toán tiền thuê đầu máy; theo đó, hai bên cùng xác định tổng số tiền Công ty cổ phần C phải trả cho Công ty D tính đến ngày 21-8-2006 là 511.539.505 đồng.

Ngày 16-01-2007, Công ty cổ phần C đã thanh toán cho Công ty D số tiền là 511.539.505 đồng.

Ngày 18-3-2007, sau nhiều lần thương lượng không thành, Công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho Công ty D số tiền 403.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 21-8-2006 đến ngày 31-12-2006 theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu buộc thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán.

Đại diện của Công ty cổ phần C trình bày:

Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng số 1141/HĐ-CNQN ngày 10-4-2006 với Công ty D như nguyên đơn trình bày. Đến ngày 17-8-2006, do không còn nhu cầu sử dụng 02 đầu máy đã thuê, Công ty cổ phần C đã có công văn gửi Công ty D đề nghị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Công ty cổ phần C đã thanh toán cho Công ty D 511.539.505 đồng. Công ty cổ phần C không đồng ý thanh toán cho Công ty D 403.000.000 đồng vì không đúng thực tế, yêu cầu Công ty D tính toán lại.

Công ty cổ phần C chỉ chấp nhận hỗ trợ 50% tổng số kê khai nhưng phải đúng và phù hợp.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2012/KDTM-ST ngày 18-01-2012, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH D đòi Công ty cổ phần C (nay là Tổng công ty cổ phần Tập đoàn I) phải thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng số 1141HD-CNQN ngày 10-4-2006 số tiền là 303.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 157.260.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-02-2012, Công ty TNHH D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm (dấu bưu điện nơi gửi là ngày 25-02-2012).

Tại Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH D, với lý do là kháng cáo quá thời hạn quy định tại Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 07-6-2012, Công ty TNHH D có đơn đề nghị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 29/2015/KN-KDTM ngày 04-5-2015, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng hủy Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2012/KDTM-ST ngày 18-01-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 10-4-2006, Công ty D cho Công ty cổ phần C thuê hai đầu máy vỏ thép và lai dất tàu ra vào tại cảng 10-10 và cảng Khe Dây Quảng Ninh, có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 31-12-2006 theo Hợp đồng

kinh tế số 1141/HD-CNQN. Trong hợp đồng không có thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 17-8-2006, Công ty cổ phần C có Văn bản số 2349/INDEVCO thông báo chấm dứt hợp đồng từ ngày 20-8-2006 với lý do “không có nhu cầu thuê 2 đầu máy”. Thời gian Công ty cổ phần C ra văn bản thông báo đến khi chấm dứt hợp đồng là quá ngắn, đã gây thiệt hại cho Công ty D do không thể có được hợp đồng khác thay thế ngay. Lỗi thuộc về Công ty cổ phần C nên phải chịu trách nhiệm đối với khoản thiệt hại đã gây ra cho Công ty D. Thiệt hại thực tế cần xem xét là khoản tiền cho thuê phương tiện trong thời gian còn lại của hợp đồng.

[2] Trước khi khởi kiện, Công ty D đã có Công văn số 75CVCTyDG (không đề ngày, tháng, chỉ ghi năm 2006) yêu cầu Công ty cổ phần C thanh toán tiền thuê 02 đầu máy từ ngày 21-8-2006 đến 31-12-2006 với tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Tại Công văn số 2774 INDEVCO ngày 17-10-2006, Công ty cổ phần C chỉ đồng ý hỗ trợ chi trả lương công nhân lái tàu. Không đồng ý nên ngày 18-3-2007, Công ty TNHH D khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần C phải thanh toán số tiền 403.000.000 đồng (là số tiền cho thuê 02 đầu máy trong thời gian còn lại của hợp đồng). Như vậy, đây có thể xem như là khoản thiệt hại thực tế mà nguyên đơn yêu cầu bồi thường.

[3] Khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để xét xử sơ thẩm lại, Công ty D yêu cầu đòi giá trị còn lại của hợp đồng từ ngày 21-8-2006 đến ngày 31-12-2008 là 403.000.000 đồng và tiền lãi. Do Công ty cổ phần C đã trả được 100.000.000 đồng nên còn phải thanh toán tiếp 303.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu này là không có căn cứ nên không chấp nhận vì cho đây là số tiền giá trị còn lại của hợp đồng chưa được thực hiện. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm còn nhận định do Công ty D có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng Công ty D không yêu cầu nên không xem xét yêu cầu của Công ty D là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty D.

[4] Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 18-01-2012, đại diện Công ty D có mặt tại phiên tòa nên phải biết nội dung và quyết định của Tòa án. Ngày 10-02-2012, Công ty D mới có đơn kháng cáo (dấu bưu điện nơi gửi là ngày 25-02-2012, dấu công văn đến ngày 27-02-2012) là đã quá hạn theo quy định tại Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Công ty D cho rằng lý do kháng cáo quá hạn là do đại diện Công ty

không nghe rõ chủ tọa tuyên án là không có căn cứ theo quy định tại mục 5 phần I Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP ngày 04-8-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo quá hạn là đúng.

[5] Mặc dù Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội là có căn cứ, nhưng do bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật theo quyết định này, nên cũng cần phải hủy cả Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2012/KDTM-ST ngày 18-01-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào khoản 3 Điều 297, khoản 1, 2 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12 ngày 29/3/2011),

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 87/2012/KDTMPT-QĐ ngày 17-5-2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2012/KDTM-ST ngày 18-01-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử vụ án kinh doanh, thương mại tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản giữa nguyên đơn là Công ty TNHH D với bị đơn là Công ty cổ phần C.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[1] Ngày 10-4-2006, Công ty D cho Công ty cổ phần C thuê hai đầu máy vò thép và lai dất tàu ra vào tại cảng 10-10 và cảng Khe Dây Quảng Ninh, có hiệu lực từ ngày ký đến ngày 31-12-2006 theo Hợp đồng kinh tế số 1141/HĐ-CNQN. Trong hợp đồng không có thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 17-8-2006, Công ty cổ phần C có Văn bản số 2349/INDEVCO thông báo chấm dứt hợp đồng từ ngày 20-8-2006 với lý do “không có nhu cầu thuê 2 đầu máy”. Thời gian Công ty cổ phần C ra văn bản thông báo đến khi chấm dứt hợp đồng là quá ngắn, đã gây thiệt hại cho Công ty D do không thể có được hợp đồng khác thay thế ngay. Lỗi thuộc về Công ty cổ phần C nên phải chịu trách nhiệm đối với khoản thiệt hại đã gây ra cho

Công ty D. Thiệt hại thực tế cần xem xét là khoản tiền cho thuê phương tiện trong thời gian còn lại của hợp đồng.”

CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ

Ngày 23/11/2018, Tổng cục thuế đã có Công văn số 4657/TCT-DNL gửi Cục thuế tỉnh Đồng Nai về việc hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Nội dung cụ thể của Công văn 4657/TCT-DNL như sau:

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 6715/CT-THNVDT ngày 17/9/2018 và công văn số 8274/CT-THNVDT ngày 2/11/2018 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai về việc hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau: - Tại Khoản 1 Điều 45 quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 quy định: “Chi nhánh, là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.”

- Tại Điều 84 Luật dân sự số 91/2012/QH13 ngày 24/11/2012 quy định về chi nhánh như sau:

“1. Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân.

2. Chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của pháp nhân.”

- Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

...

5. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh

ngiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.”

Thực tế trường hợp Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là chi nhánh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đang thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng hoạt động sản xuất kinh doanh điện tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai. Khi Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam thực hiện cổ phần hóa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch vẫn là chi nhánh của Doanh nghiệp sau chuyển đổi, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh không thay đổi so với trước. Do vậy không thuộc trường hợp được hoàn thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

Trường hợp chi nhánh có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết thì chuyển sang kỳ sau khấu để khấu trừ tiếp.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục thuế tỉnh Đồng Nai được biết và thực hiện./.

DANH MỤC

VĂN BẢN QUẢN LÝ NỘI BỘ CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP BAN HÀNH ĐẾN NGÀY 07/12/2018

STT	Số văn bản	Trích yếu	Ngày ban hành	Tình trạng hiệu lực
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	26/06/2018	Còn hiệu lực
2	01/NQ-ĐHĐCĐ	Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	26/06/2018	Còn hiệu lực
3	23/QĐ-ĐLĐK	Phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	05/07/2018	Còn hiệu lực
4	26/QĐ-ĐLĐK	Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các Ban chức năng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	05/07/2018	Còn hiệu lực
5	275/ĐLĐK-BKS	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	25/07/2018	Còn hiệu lực

6	117/QĐ-ĐLĐK	Quy định chấm công của cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	27/07/2018	Còn hiệu lực
7	118/QĐ-ĐLĐK	Quy định chấm điểm thực hiện Nội quy lao động của cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	27/07/2018	Còn hiệu lực
8	158/QĐ-ĐLĐK	Quy chế ban hành văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	02/08/2018	Còn hiệu lực
9	195/QĐ-ĐLĐK	Ban hành chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	07/08/2018	Còn hiệu lực
10	256/QĐ-ĐLĐK	Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/08/2018	Còn hiệu lực
11	261/QĐ-ĐLĐK	Quy chế đánh giá hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các đơn vị thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/8/2018	Còn hiệu lực
12	262/QĐ-ĐLĐK	Nội quy sử dụng điện trong cơ quan văn phòng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/08/2018	Còn hiệu lực
13	263/QĐ-ĐLĐK	Nội quy phòng cháy, chữa cháy trong cơ quan văn phòng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/08/2018	Còn hiệu lực
14	266/QĐ-ĐLĐK	Quy chế trả lương cho cán bộ, công nhân viên Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/08/2018	Còn hiệu lực
15	272/QĐ-ĐLĐK	Quy chế tổ chức và hoạt động Website của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	10/08/2018	Còn hiệu lực
16	275/QĐ-ĐLĐK	Quy chế công tác văn thư của cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	13/08/2018	Còn hiệu lực
17	276/QĐ-ĐLĐK	Quy chế công tác lưu trữ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	13/08/2018	Còn hiệu lực

18	278/QĐ-ĐLĐK	Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	14/8/2018	Còn hiệu lực
19	317/QĐ-ĐLĐK	Chính sách an toàn thông tin mạng PV Power	17/08/2018	Còn hiệu lực
20	337/QĐ-ĐLĐK	Quy trình thoái vốn của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	21/08/2018	Còn hiệu lực
21	338/QĐ-ĐLĐK	Quy trình giám sát và đánh giá dự án đầu tư của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	21/08/2018	Còn hiệu lực
22	397/QĐ-ĐLĐK	Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	10/09/2018	Còn hiệu lực
23	434/QĐ-ĐLĐK	Quy chế quản lý nợ của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	17/09/2018	Còn hiệu lực
24	402/QĐ-ĐLĐK	Chính sách An toàn - Sức khỏe - Môi trường của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	11/09/2018	Còn hiệu lực
25	403/QĐ-ĐLĐK	Quy định hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên	11/09/2018	Còn hiệu lực
26	405/QĐ-ĐLĐK	Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe Môi trường của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	12/09/2018	Còn hiệu lực
27	407/QĐ-ĐLĐK	Quy định quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường trong bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ nhà máy điện	12/9/2018	Còn hiệu lực
28	408/QĐ-ĐLĐK	Quy định cấp phát, sử dụng, bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	12/09/2018	Còn hiệu lực
29	409/QĐ-ĐLĐK	Quy định công tác bảo vệ môi trường trong nhà máy điện	12/09/2018	Còn hiệu lực
30	410/QĐ-ĐLĐK	Quy định công tác kiểm tra, chế độ sinh hoạt và báo cáo của Hội đồng An toàn vệ sinh lao động các cấp Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	12/09/2018	Còn hiệu lực

31	411/QĐ-ĐLĐK	Quy định thực hiện Phiếu công tác, phiếu thao tác	12/09/2018	Còn hiệu lực
32	427/QĐ-ĐLĐK	Nội quy lao động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	14/9/2018	Còn hiệu lực
33	436/QĐ-ĐLĐK	Quy định chấm điểm thi đua công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường	17/09/2018	Còn hiệu lực
34	456/QĐ-ĐLĐK	Quy định kiểm tra sát hạch an toàn	20/09/2018	Còn hiệu lực
35	525/QĐ-ĐLĐK	Quy chế bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	01/10/2018	Còn hiệu lực
36	543/QĐ-ĐLĐK	Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và ban chấp hành công đoàn Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	04/10/2018	Còn hiệu lực
37	550/QĐ-ĐLĐK	Quy chế hội nghị người lao động công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/10/2018	Còn hiệu lực
38	551/QĐ-ĐLĐK	Quy chế đối thoại tại nơi làm việc công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/10/2018	Còn hiệu lực
39	552/QĐ-ĐLĐK	Quy chế dân chủ tại nơi làm việc công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/10/2018	Còn hiệu lực
40	572/QĐ-ĐLĐK	Quy định quản lý, sử dụng phần mềm quản lý bảo trì, sửa chữa nhà máy điện	15/10/2018	Còn hiệu lực
41	573/QĐ-ĐLĐK	Quy định quản lý mã vật tư, công cụ	15/10/2018	Còn hiệu lực
42	574/QĐ-ĐLĐK	Quy định đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên môi trường máy tính, mạng máy tính của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	15/10/2018	Còn hiệu lực
43	575/QĐ-ĐLĐK	Quy định quản lý hệ thống công nghệ thông tin	15/10/2018	Còn hiệu lực
44	591/QĐ-ĐLĐK	Quy định về báo cáo vận hành các nhà máy điện	19/10/2018	Còn hiệu lực
45	607/QĐ-ĐLĐK	Quy định về xây dựng và quản lý định mức kinh tế kỹ thuật các nhà máy điện của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	01/11/2018	Còn hiệu lực

46	628/QĐ-ĐLDK	Quy trình luân chuyển và lưu trữ tài liệu kế toán của cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/11/2018	Còn hiệu lực
47	629/QĐ-ĐLDK	Hệ thống thang lương bảng lương cơ bản và phụ cấp lương cơ bản của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/11/2018	Còn hiệu lực
48	630/QĐ-ĐLDK	Quy chế đánh giá xếp loại tập thể và cán bộ, công nhân viên thuộc cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/11/2018	Còn hiệu lực
49	634/QĐ-ĐLDK	Quy chế xếp lương, nâng lương và điều chỉnh lương chức danh đối với CBCNV cơ quan Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	09/11/2018	Còn hiệu lực
50	648/QĐ-ĐLDK	Quy trình phối hợp thanh toán chi phí bảo trì, sửa chữa các nhà máy điện của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	15/11/2018	Còn hiệu lực
51	661/QĐ-ĐLDK	Quy định điều tra sự cố/bất thường trong các NMD của TCT	21/11/2018	Còn hiệu lực
52	681/QĐ-ĐLDK	Quy định quản lý và sử dụng phương tiện ô tô tại cơ quan TCT	29/11/2018	Còn hiệu lực
53	703/QĐ-ĐLDK	Quy chế thưởng an toàn của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần	07/12/2018	Còn hiệu lực

* Chi tiết các văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP được để tại ổ X/02 Quy che - quy Định/VBQLNB CTCP.